



## **Bản tin cập nhật nhanh về Thuế**

Thông tư số 41/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2017 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Tháng 6 năm 2017

## HƯỚNG DẪN MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ THUẾ ĐỐI VỚI CÁC DOANH NGHIỆP CÓ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Vào ngày 15 tháng 6 năm 2017, Bộ Tài Chính đã chính thức ban hành **Thông tư số 41/2017/TT-BTC** **đề ngày 28 tháng 4 năm 2017** (sau đây gọi tắt là "Thông tư 41") hướng dẫn thực hiện Điều 6, Điều 7, Điều 10 và Điều 11 của Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết (sau đây gọi tắt là "Nghị định 20") kèm theo ba phụ lục hướng dẫn gồm:

- Phụ lục I: Công thức tính hàm tứ phân vị, khoảng giao dịch độc lập chuẩn và giá trị trung vị;
- Phụ lục II: Hướng dẫn Mẫu số 01-Thông tin quan hệ liên kết và giao dịch liên kết; và
- Phụ lục III: Hướng dẫn Mẫu số 04-Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia.

Thông tư 41 có hiệu lực kể từ ngày Nghị định 20 có hiệu lực thi hành, tức là từ ngày 1 tháng 5 năm 2017, thay thế cho Thông tư 66/2010/TT-BTC (sau đây gọi tắt là "Thông tư 66") ngày 22 tháng 04 năm 2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc xác định giá thị trường trong giao dịch liên kết, và Mẫu số 03-7/TNDN ban hành kèm theo Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là "Mẫu số 03-7/TNDN").

Trong Bản tin thuế lần này, Deloitte Việt Nam sẽ tóm tắt những nội dung hướng dẫn chính và những yêu cầu quan trọng của Thông tư 41 về tuân thủ mà người nộp thuế cần đặc biệt chú ý nhằm đảm bảo tính tuân thủ trong kê khai, xác định giá giao dịch liên kết:

Phần	Nội dung	Trang
<b>1</b>	Các lưu ý về phân tích so sánh và lựa chọn đối tượng so sánh	2
<b>2</b>	Nghĩa vụ của người nộp thuế trong kê khai thông tin quan hệ liên kết, giao dịch liên kết và lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	3
<b>3</b>	Một số thay đổi trong kê khai tờ khai thông tin giao dịch liên kết	5
<b>4</b>	Hướng dẫn phân bổ doanh thu và chi phí để tính tỷ suất lợi nhuận - xác định các trường hợp miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	6
<b>5</b>	Đánh giá chung của Deloitte Việt Nam	7

## PHẦN 1: CÁC LƯU Ý VỀ PHÂN TÍCH SO SÁNH VÀ LỰA CHỌN ĐỐI TƯỢNG SO SÁNH

### 1.1 Nguyên tắc xác định bản chất giao dịch liên kết

Thông tư 41 giải thích rõ hơn nguyên tắc: "Bản chất quyết định hình thức" đã được quy định tại Điều 6, Nghị định 20. Theo đó, khi thực hiện phân tích so sánh, giao dịch giữa các bên liên kết (i) phải được rà soát, so sánh, đối chiếu giữa hợp đồng hoặc văn bản, thỏa thuận giao dịch giữa các bên liên kết với tính thực tiễn của hoạt động sản xuất kinh doanh, chức năng hoạt động của các bên tham gia hợp đồng cùng với đầy đủ chứng từ và tài liệu hỗ trợ; và (ii) phải được đối chiếu với các quyết định kinh doanh giữa các bên độc lập trong các điều kiện tương đồng.

Nguyên tắc đối chiếu áp dụng trong phân tích so sánh coi trọng bản chất và thực tiễn kinh doanh, rủi ro gánh chịu của các bên liên kết, hơn là các thỏa thuận bằng văn bản.

Trường hợp thực tiễn thực hiện của các bên liên kết không phù hợp với nguyên tắc ứng xử kinh doanh giữa các bên độc lập thì áp dụng nguyên tắc giao dịch độc lập và bản chất quyết định hình thức để xác định lại giao dịch liên kết và rủi ro kinh doanh mà các bên phải gánh chịu.

### 1.2 Các yếu tố phân tích so sánh

Thông tư 41 đã cụ thể hóa bốn yếu tố so sánh để thực hiện phân tích, lựa chọn các đối tượng so sánh độc lập được quy định tại điểm a và đ khoản 3 Điều 6 Nghị định số 20, cụ thể như sau:

- i. Đặc điểm của sản phẩm:** là các đặc tính có ảnh hưởng đến giá của sản phẩm bao gồm đặc tính hàng hóa hữu hình, dịch vụ và tài sản vô hình.
- ii. Chức năng hoạt động do mỗi bên của hợp đồng thực hiện và tài sản, rủi ro sản xuất kinh doanh** trong mối quan hệ với các chi phí cơ hội, điều kiện kinh tế, điều kiện ngành, lĩnh vực hoạt động và vị trí địa lý của người nộp thuế được phân tích để xác định các yếu tố phản ánh khả năng thu lợi nhuận từ các hoạt động và thực tiễn kinh doanh mà người nộp thuế thực hiện.
- iii. Điều khoản hợp đồng khi thực hiện giao dịch:** bao gồm một số các điều khoản về khối lượng, điều kiện giao dịch hoặc phân phối sản phẩm; thời hạn, điều kiện thanh toán; điều kiện bảo hành; điều kiện về đặc quyền kinh doanh, hỗ trợ quảng cáo, khuyến mại, v.v.
- iv. Điều kiện kinh tế của giao dịch và điều kiện của thị trường** tại thời điểm diễn ra giao dịch có ảnh hưởng đến mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của các bên.

**Loại trừ các khác biệt trọng yếu căn cứ các tiêu chí định lượng và định tính** để tìm kiếm, lựa chọn các đối tượng so sánh độc lập tương đồng nhất với người nộp thuế.

## 1.3 Căn cứ thực hiện điều chỉnh trong phân tích so sánh

- **Nguyên tắc điều chỉnh của người nộp thuế:**

Dựa trên các yếu tố so sánh như chức năng, tài sản, rủi ro, điều kiện kinh tế và thị trường, sàng lọc định lượng và định tính, người nộp thuế thực hiện phân tích so sánh và thực hiện điều chỉnh theo các nguyên tắc:

- Trường hợp mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế **thuộc** khoảng giá trị giao dịch độc lập của các đối tượng so sánh độc lập tương đồng thì người nộp thuế **không phải thực hiện điều chỉnh**;
- Trường hợp mức giá, tỷ suất lợi nhuận, tỷ lệ phân bổ lợi nhuận của người nộp thuế **không thuộc** khoảng giá trị giao dịch độc lập của các đối tượng so sánh độc lập tương đồng, người nộp thuế **có nghĩa vụ điều chỉnh** giá giao dịch liên kết, tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận theo nguyên tắc dựa trên giá trị thuộc khoảng giao dịch độc lập phản ánh mức độ tương đồng cao nhất và không làm giảm nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.

- **Nguyên tắc điều chỉnh của Cơ quan Thuế:**

Giá trị mà Cơ quan Thuế sử dụng để điều chỉnh hoặc ấn định giá, tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận trong giao dịch liên kết: Giá trị trung vị của khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn (\*).

**(\*) Lưu ý:** Khoảng giá trị giao dịch độc lập chuẩn được xác định là khoảng tứ phân vị tính từ giá trị tứ phân vị thứ nhất đến giá trị tứ phân vị thứ ba, giá trị giữa là các giá trị nằm trong khoảng giá trị từ giá trị tứ phân vị thứ nhất đến giá trị tứ phân vị thứ ba, giá trị tứ phân vị thứ hai là giá trị trung vị của khoảng giao dịch độc lập chuẩn.

## PHẦN 2: NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ TRONG KÊ KHAI THÔNG TIN QUAN HỆ LIÊN KẾT, GIAO DỊCH LIÊN KẾT VÀ LẬP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Thông tư 41 đã đưa ra các yêu cầu cụ thể liên quan đến nghĩa vụ của người nộp thuế trong kê khai thông tin quan hệ liên kết, giao dịch liên kết và lập hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết đã được quy định tại Điều 10, Nghị định 20, cụ thể như sau:

Nội dung tuân thủ	Người nộp thuế có Công ty mẹ tối cao tại Việt Nam	Người nộp thuế có Công ty mẹ tối cao tại nước ngoài
<b>I. Yêu cầu tuân thủ về kê khai thông tin quan hệ liên kết, giao dịch liên kết</b>		
Mẫu kê khai	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Mẫu số 01</b> – Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Mẫu số 01</b> – Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Mẫu số 02</b> – Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ quốc gia. Người nộp thuế xác nhận Hồ sơ quốc gia đã được chuẩn bị và bao gồm các thông tin được liệt kê.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Mẫu số 02</b> – Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ quốc gia. Người nộp thuế xác nhận Hồ sơ quốc gia đã được chuẩn bị và bao gồm các thông tin được liệt kê.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Mẫu số 03</b> – Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ toàn cầu. Người nộp thuế xác nhận Hồ sơ toàn cầu đã được chuẩn bị và bao gồm các thông tin được liệt kê.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Mẫu số 03</b> – Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại Hồ sơ toàn cầu. Người nộp thuế xác nhận Hồ sơ toàn cầu đã được chuẩn bị và bao gồm các thông tin được liệt kê.</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ <b>Mẫu số 04</b> – Kê khai thông tin Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao tại Việt Nam có doanh thu hợp nhất toàn cầu từ mười tám nghìn tỷ đồng trở lên có hoạt động tại nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Thông tư 41 không đưa ra hướng dẫn về việc kê khai <b>Mẫu số 04</b> – Kê khai thông tin Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao tại nước ngoài</li> </ul>
Thời hạn nộp kê khai	Nộp kèm Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN trong vòng <b>90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính</b>	
<b>II. Yêu cầu tuân thủ về lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết</b>		
Tài liệu yêu cầu trong Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	<ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Hồ sơ quốc gia với nội dung được quy định tại <b>Mẫu số 02</b> nêu trên</li> <li>➤ Hồ sơ toàn cầu tại <b>Mẫu số 03</b> nêu trên</li> <li>➤ Bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao tại nước ngoài (*)</li> </ul>	
Thời hạn nộp tài liệu theo Nghị định 20	<p>Người nộp thuế chuẩn bị và lập trước thời điểm quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp và cung cấp thông tin tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết khi có yêu cầu của cơ quan thuế theo thời hạn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>➤ Khi Cơ quan Thuế thực hiện thanh tra, kiểm tra: thời hạn cung cấp là không quá <b>15 ngày làm việc</b> kể từ khi nhận được yêu cầu của Cơ quan thuế</li> <li>➤ Khi Cơ quan Thuế tiến hành quá trình tham vấn trước thanh tra: thời hạn cung cấp là không quá <b>30 ngày làm việc</b> kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu, gia hạn 1 lần không quá <b>15 ngày làm việc</b> kể từ ngày hết hạn</li> </ul>	

## (\*) Lưu ý:

- Trường hợp người nộp thuế không cung cấp được bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao cho kỳ tính thuế tương ứng với kỳ quyết toán thuế của doanh nghiệp, thì phải có nghĩa vụ chuẩn bị và cung cấp các tài liệu sau:
  - Bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao của năm tài chính liền kề trước kỳ tính thuế của người nộp thuế; và
  - Văn bản giải thích lý do không thể cung cấp bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao cho kỳ tính thuế tương ứng với kỳ quyết toán thuế của người nộp thuế.
- Trường hợp người nộp thuế không cung cấp được bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao, người nộp thuế có nghĩa vụ chuẩn bị và cung cấp văn bản giải thích lý do không thể cung cấp Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao kèm theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết.
- Trường hợp người nộp thuế có nhiều công ty mẹ tối cao và báo cáo tài chính của người nộp thuế được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất của nhiều tập đoàn thì người nộp thuế cung cấp Hồ sơ toàn cầu của tất cả các tập đoàn và lưu bản sao Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của tất cả các công ty mẹ tối cao.

## PHẦN 3: MỘT SỐ THAY ĐỔI TRONG KÊ KHAI TỜ KHAI THÔNG TIN GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Bảng dưới đây trình bày một số điểm mới trong Mẫu số 01 - Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết thay thế cho Mẫu số 03-7/TNDN với nhiều thông tin yêu cầu kê khai mới mà người nộp thuế cần chú ý khi thực hiện kê khai:

Nội dung	Mẫu số 03-7/TNDN	Mẫu số 01
1. Giá trị kê khai liên quan đến giao dịch mua vào hình thành tài sản cố định	Giá trị khấu hao phát sinh trong năm báo cáo của tài sản cố định	Giá trị mua trong năm
2. Giá trị kê khai liên quan đến giao dịch mua vào không hình thành tài sản cố định	Chi phí tương ứng để xác định kết quả kinh doanh trong năm báo cáo	Giá trị mua trong năm

Nội dung	Mẫu số 03-7/TNDN	Mẫu số 01
<b>3. Phương pháp xác định giá giao dịch liên kết</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>PP1:</b> Phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>PP1.1:</b> Phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập</li> <li><b>PP1.2:</b> Phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập đối với các sản phẩm được niêm yết giá công khai trên sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>PP2:</b> Phương pháp giá bán lại</li> <li><b>PP3:</b> Phương pháp giá vốn cộng lãi</li> <li><b>PP4:</b> Phương pháp so sánh lợi nhuận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>PP2.1:</b> Phương pháp giá bán lại</li> <li><b>PP2.2:</b> Phương pháp giá vốn cộng lãi</li> <li><b>PP2.3:</b> Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận thuần</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>PP5:</b> Phương pháp tách lợi nhuận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>PP3:</b> Phương pháp phân bổ lợi nhuận giữa các bên liên kết</li> </ul>
	<ul style="list-style-type: none"> <li><b>PP6:</b> Phương pháp khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Không áp dụng Phương pháp khác</li> </ul>

## PHẦN 4: HƯỚNG DẪN PHÂN BỐ DOANH THU VÀ CHI PHÍ ĐỂ TÍNH TỶ SUẤT LỢI NHUẬN - XÁC ĐỊNH CÁC TRƯỜNG HỢP MIỄN LẬP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

Thông tư 41 đưa ra hướng dẫn về tỷ suất lợi nhuận được sử dụng để xác định miễn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết trong trường hợp người nộp thuế thực hiện kinh doanh chức năng đơn giản (bao gồm các lĩnh vực phân phối, sản xuất và gia công) được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 11 Nghị định 20, là tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính) trên doanh thu thuần.

Trường hợp người nộp thuế thực hiện kinh doanh chức năng đơn giản nhiều hơn một lĩnh vực thì cần theo dõi, hạch toán riêng theo từng lĩnh vực để xác định tính toán tỷ suất lợi nhuận trước lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp của chức năng đó.

Trong trường hợp người nộp thuế không theo dõi, hạch toán riêng đối với từng lĩnh vực:

- Trường hợp chỉ theo dõi, hạch toán riêng được doanh thu nhưng không theo dõi, hạch toán riêng được chi phí: Thực hiện phân bổ chi phí theo tỷ lệ doanh thu của từng lĩnh vực.
- Trường hợp không theo dõi, hạch toán riêng được doanh thu và chi phí: Áp dụng tỷ suất lợi nhuận của lĩnh vực có tỷ suất cao nhất.

## PHẦN 5: ĐÁNH GIÁ CHUNG CỦA DELOITTE VIỆT NAM

Thông tư 41 hướng dẫn thực hiện chi tiết đối với một số nội dung nhất định của Nghị định để người nộp thuế tự đánh giá tính tuân thủ trong việc kê khai và xác định giá giao dịch liên kết. Tuy nhiên, theo quan điểm của Deloitte Việt Nam, vẫn còn có một số điểm cần được làm rõ như sau:

- **Nghĩa vụ kê khai Mẫu số 04 – Kê khai thông tin Báo cáo lợi nhuận liên quốc gia của Công ty mẹ tối cao trong trường hợp người nộp thuế có Công ty mẹ tối cao tại nước ngoài:** Thông tư 41 không đưa ra hướng dẫn về nghĩa vụ kê khai và thời hạn nộp Mẫu số 04 trong trường hợp này. Do vậy, Deloitte Việt Nam sẽ cập nhật ngay khi có hướng dẫn liên quan từ các cơ quan ban ngành.
- **Thời hạn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết:** Căn cứ quy định tại Nghị định 20, người nộp thuế có nghĩa vụ lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết trước thời điểm quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Mặc dù Thông tư 41 chưa đề cập và giải thích rõ hơn về nội dung này, người nộp thuế vẫn phải tuân thủ thời hạn lập Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết nêu trên do thực tế, Mẫu số 02 và 03 yêu cầu người nộp thuế xác nhận việc hoàn thành Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết. Quy định này sẽ tạo nhiều áp lực và gánh nặng cho người nộp thuế do khối lượng thông tin yêu cầu tại Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết tương đối lớn và người nộp thuế cần nhiều thời gian để thu thập và chuẩn bị.
- **Tỷ suất lợi nhuận sử dụng trong phương pháp so sánh lợi nhuận thuần:** Đối với người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ, chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận thuần được xác định là tỷ suất lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính) trên doanh thu (hoặc doanh thu thuần); trên chi phí (hoặc tổng chi phí); trên tài sản (hoặc tài sản cố định).

Tuy nhiên, dựa trên thực tế thanh tra của cơ quan thuế tại các doanh nghiệp cũng như hướng dẫn tại Công Văn số 5545/TCT-CC ngày 11 tháng 12 năm 2014 (“Công văn 5545”) ban hành bởi Tổng cục Thuế trả lời vướng mắc khi áp dụng Thông tư 66 của Deloitte Việt Nam, tỷ suất lợi nhuận hoạt động (không bao gồm chênh lệch doanh thu và chi phí của hoạt động tài chính và chênh lệch doanh thu và chi phí hoạt động khác) được sử dụng để phản ánh kết quả các hoạt động kinh doanh chính và hạn chế sự tác động của các nhân tố tài chính khác (như thu nhập tài chính, chi phí tài chính, thu nhập khác, và chi phí khác) trong quá trình tiến hành phân tích so sánh và đánh giá các giao dịch liên kết.

Do vậy, Deloitte Việt Nam sẽ cập nhật ngay khi có hướng dẫn liên quan từ các cơ quan ban ngành.

\* \* \* \* \*



## Liên hệ

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:

### Thomas McClelland

Phó Tổng Giám đốc phụ trách  
Dịch vụ Tư vấn Thuế  
+84 (8) 3910 0751  
tmcclelland@deloitte.com

### Bùi Ngọc Tuấn

Phó Tổng Giám đốc  
Dịch vụ Tư vấn Thuế  
+84 (4) 6268 3568  
tbui@deloitte.com

### Bùi Tuấn Minh

Phó Tổng Giám đốc  
Dịch vụ Tư vấn Thuế  
+84 (4) 6268 3568  
mbui@deloitte.com

### Phan Vũ Hoàng

Phó Tổng Giám đốc  
Dịch vụ Tư vấn Thuế  
+84 (8) 3910 0751  
hoangphan@deloitte.com

### Dion Thái Phương

Phó Tổng Giám đốc  
Dịch vụ Tư vấn Thuế  
+84 (8) 3910 0751  
dthai@deloitte.com

### Đình Mai Hạnh

Phó Tổng Giám đốc  
Dịch vụ Tư vấn Thuế  
+84 (4) 6268 3568  
handinh@deloitte.com

### Joy Mukherjee

Giám đốc Tư vấn Thuế  
+84 (8) 3910 0751  
joybmukherjee@deloitte.com

Website: [www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)  
Email: [deloittevietnam@deloitte.com](mailto:deloittevietnam@deloitte.com)

Tài liệu này chỉ chứa đựng những thông tin chung, và không một hãng Deloitte Touche Tohmatsu Limited, hay bất kỳ một hãng thành viên hay công ty con (sau đây được gọi chung là "Mạng lưới các công ty Deloitte") được xem là, trong phạm vi của tài liệu này, cung cấp dịch vụ hay đưa ra những tư vấn về chuyên môn. Không một hãng thành viên nào thuộc Mạng lưới các công ty Deloitte chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại do kết quả của việc người đọc dựa vào tài liệu này.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website [www.deloitte.com/about](http://www.deloitte.com/about) để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

Deloitte cung cấp các dịch vụ kiểm toán, tư vấn, giải pháp tài chính, tư vấn quản trị rủi ro, tư vấn thuế và các dịch vụ liên quan cho các khách hàng tư nhân hoặc các công ty công hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Deloitte cung cấp dịch vụ cho 80% các doanh nghiệp trong danh sách Fortune Global 500®. Với mạng lưới các hãng thành viên kết nối toàn cầu tại hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ, Deloitte mang đến năng lực đẳng cấp toàn cầu và các dịch vụ chất lượng vượt trội, cung cấp tới các khách hàng những hiểu biết cần thiết để giải quyết những vấn đề kinh doanh phức tạp nhất. Vui lòng kết nối với chúng tôi tại Facebook, LinkedIn hoặc Twitter để hiểu thêm về những hoạt động đang được thực hiện bởi khoảng 245.000 chuyên gia tư vấn của Deloitte nhằm kiến tạo và lan tỏa những ảnh hưởng tích cực đến xã hội.

### **Giới thiệu về Deloitte Đông Nam Á**

Deloitte Đông Nam Á là một hãng thành viên của Deloitte hoạt động tại Brunei, Campuchia, Guam, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam được thành lập để cung cấp những dịch vụ tư vấn chuyên nghiệp đáp ứng yêu cầu cụ thể của các công ty, tập đoàn lớn có tốc độ phát triển nhanh trong khu vực.

Với hơn 290 Partners và 7.400 nhân viên chuyên nghiệp làm việc tại 25 văn phòng, các công ty con và công ty liên kết của Deloitte Đông Nam Á kết hợp kỹ thuật chuyên môn sâu rộng cùng sự am hiểu về nhiều lĩnh vực để cung cấp các dịch vụ chất lượng cao và nhất quán tới các doanh nghiệp trong toàn khu vực.

Các dịch vụ được cung cấp thông qua các văn phòng ở các nước thành viên, công ty con và công ty liên kết. Những công ty này là những pháp nhân riêng biệt.

### **Giới thiệu về Deloitte Việt Nam**

Deloitte Việt Nam là Công ty tiên phong trong lĩnh vực Tư vấn và Kiểm toán với kinh nghiệm hơn 25 năm tại thị trường Việt Nam, và là thành viên của một trong Bốn hãng cung cấp dịch vụ chuyên ngành lớn nhất trên thế giới. Với khoảng 800 nhân viên làm việc tại văn phòng Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh được tiếp cận với toàn bộ thế mạnh của Deloitte Đông Nam Á với các hãng thành viên tại Brunei, Campuchia, Guam, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore và Thái Lan, thông qua mạng lưới rộng lớn này, Deloitte Việt Nam cung cấp các dịch vụ giá trị gia tăng tới khách hàng bao gồm Dịch vụ tư vấn Thuế, Tư vấn Tài chính, Tư vấn Quản trị Rủi ro, Tư vấn, Kiểm toán, và các Dịch vụ Đào tạo chuyên ngành.